

Bản án số: 373/2022/DS-PT

Ngày: 09/9/2022

*V/v: Tranh chấp quyền sử
dụng đất.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Quốc Thái

Bà Đặng Mạnh Cẩm Yên

- Thư ký phiên tòa:

Bà Nguyễn Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2020/DSPT ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 292/2021/QĐXX-PT ngày 30 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Kim Thị Vân, sinh năm 1965

Nơi cư trú: Cụm 10, xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội (có mặt).

Bị đơn: Ông Kim Văn Mài, sinh năm 1940

Bà Nguyễn Thị Đào, sinh năm 1947

Cùng cư trú: Cụm 10, xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Mài: bà Nguyễn Thị Đào (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Các Luật sư: Nguyễn Văn Đăng và Ninh Văn Lực thuộc Văn phòng Luật sư Bảo Chánh, Đoàn Luật sư tỉnh Hải Dương (đều có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Kim Thị Thảo, sinh năm 1954 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn Thượng Cốc, xã Thượng Cốc, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội
2. Bà Kim Thị Định, sinh năm 1961 (có mặt)
Nơi cư trú: Thôn Ngô Khê, xã Bình Nghĩa, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
3. Bà Lương Thị Mùi, sinh năm 1955
Nơi cư trú: Xóm Bướm, xã Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội (có mặt)
4. Anh Trần Viết Khương, sinh năm 1982
5. Anh Trần Viết May, sinh năm 1991
Cùng cư trú: Cụm 1, xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội.
Người đại diện theo ủy quyền của anh Khương và anh May:
Chị Nghiêm Thị Chiến, sinh năm 1986
Nơi cư trú: Thôn 1, xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, Hà Nội (có mặt)
6. Chị Viết Thị Phương, sinh năm 1984
Nơi cư trú: Số 26 tổ dân phố 6, thôn Vân Gia, phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội (có mặt).
7. Anh Kim Văn Luật, sinh năm 1978 (có mặt)
8. Chị Thế Thị Yên, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Cùng cư trú: Cụm 10, xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội.

Người kháng cáo:

Bà Kim Thị Vân (nguyên đơn) và bà Nguyễn Thị Đào (bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Kim Thị Vân trình bày:

Bố bà là cụ Kim Văn Nghi có 05 người con là Kim Thị Thảo, Kim Thị Ngo, Kim Thị Định, Kim Văn Nghi và bà (Kim Thị Vân). Ông Nghi hy sinh năm 1978, có vợ là Lương Thị Mùi, không có con chung. Bà Kim Thị Ngo lấy chồng là ông Trần Viết Dư có 3 con chung là Trần Viết Khương, Trần Viết May và Viết Thị Phương. Bà Ngo và ông Dư đều đã chết, không để lại di chúc.

Năm 1988 cụ Nghi chết để lại di sản là một thửa đất ao diện tích 425m² và một thửa đất ở diện tích 1287m² tại cụm 10, xã Hát Môn. Trên thửa đất ở có 5 gian nhà

tre lợp ngói, 2 gian bếp và một số cây mít, bưởi. Sau khi cụ Nghị chết, toàn bộ tài sản do cụ Quang Thị Thuận (vợ cụ Nghị) quản lý, sử dụng.

Do chị em bà đều đi lấy chồng không có điều kiện chăm sóc cụ Quang Thị Thuận nên năm 1995 các bà thống nhất đưa cụ Thuận đến nhờ vợ chồng ông Mải bà Đào trông nom, đồng thời quản lý toàn bộ tài sản đất đai và giỗ tết các cụ.

Năm 2002, cụ Quang Thị Thuận đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 117 diện tích 1020m², thửa đất số 118 diện tích 795m², các chị em bà không ai giữ Giấy chứng nhận này. Diện tích thửa đất số 117 giảm là do ông Mải đã cho ông Kim Văn Bảy 267m². Diện tích thửa đất số 118 tăng là do vợ chồng ông Mải có mua thêm của bà Duy Thị Đức khoảng 360m².

Năm 2004 cụ Thuận chết không để lại di chúc, toàn bộ di sản của cụ Nghị và cụ Thuận vẫn do ông Mải bà Đào quản lý. Nay chị em bà về cúng giỗ bố mẹ và anh trai liệt sỹ thì vợ chồng ông Mải đuổi không cho vào nhà, chị em bà không có nơi thờ cúng nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Mải và bà Đào trả lại tài sản của bố mẹ bà để lại, đó là toàn bộ thửa đất số 117 và thửa đất số 118. Bà đồng ý thanh toán trả vợ chồng ông Mải, bà Đào các khoản gồm: Tiền nuôi dưỡng cụ Thuận 200 triệu đồng, tiền sang cát cho cụ Thuận 50 triệu đồng, tiền xây 03 ngôi mộ 15 triệu đồng, tiền cúng giỗ và tết trong 22 năm là 22 triệu đồng và tiền mang hài cốt liệt sỹ về xã là 50 triệu đồng.

Bà công nhận trên thửa đất số 117 có 06 thước đất trũng sâu khoảng 50cm để cấy rau muống và khoai nước, gia đình ông Mải bà Đào có san từ nền nhà cũ của bố mẹ bà xuống chứ không phải mua đất chỗ khác đổ vào. Đối với khoản tiền và công sức lấp ao và san đất trũng mà bà Đào yêu cầu, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với thửa đất số 118 diện tích 425m² do trước đây là ao, gia đình ông Mải đã san lấp và xây nhà, xây tường bao nên bà đề nghị Tòa án giao thửa đất này cho gia đình ông Mải tiếp tục sử dụng và phải thanh toán trả bà bằng tiền trị giá của 425m² đất sau khi đã trừ đi các khoản mà bà phải thanh toán cho vợ chồng bà Đào. Đối với thửa đất số 117 diện tích 1020m², bà yêu cầu ông Mải và bà Đào phải trả lại toàn bộ.

Bị đơn là ông Kim Văn Mải và bà Nguyễn Thị Đào thống nhất trình bày:

Cụ Kim Văn Nghị là anh ruột cụ Kim Văn Dùi (cụ Dùi là bố đẻ ông Kim Văn Mải), cụ Nghị có 03 người vợ và có con chung với các bà vợ như sau:

Vợ thứ nhất là cụ Lương Thị Liễu có 03 con người chung đều đã chết từ năm 1945. Vợ thứ hai là cụ Quang Thị Thuận có 01 người con chung là bà Kim Thị Thảo. Vợ thứ 3 là cụ Phạm Thị Xuân có 04 người con chung là Kim Văn Nghi (liệt sỹ),

Kim Thị Ngo, Kim Thị Định và Kim Thị Vân. Cụ Xuân chết từ khi các con còn nhỏ, ông Nghi lớn lên đi bộ đội khai lý lịch là “mẹ chết”. Cụ Thuận không phải là mẹ đẻ của bà Vân, chị em bà Vân coi cụ Thuận như người dung, không có trách nhiệm gì.

Ngày 21/01/1994 là ngày tảo mộ tập trung đầy đủ con cháu trong dòng họ, cụ Quang Thị Thuận thấy mình tuổi già sức yếu không đảm nhiệm được việc thờ cúng tổ tiên nên đã tổ chức họp gia đình tại nhà cụ Thuận, cụ Thuận đã làm giấy giao cho vợ chồng ông bà toàn bộ đất đai, đảm nhiệm đời sống của cụ Thuận và thờ cúng tổ tiên. Buổi họp có mặt cụ Thuận, cụ Kim Văn Hoa, cụ Kim Văn Trung, ông Kim Văn Bảy (con cụ Kim Văn Ba) và ông Kim Văn Mài, các cụ: Hoa, Trung, Ba, Dùi là anh em ruột của cụ Kim Văn Nghi).

Ngày 15/7/1995, cụ Thuận, cụ Hoa, cụ Trung, ông Bảy, bà Thảo và bà Vân có mặt tại nhà ông bà lập biên bản bàn giao toàn bộ tài sản đất đai và đời sống của cụ Thuận cho ông bà chăm nom và lo giỗ tết. Từ đó cụ Thuận ở với vợ chồng ông bà, đến năm 2004 cụ Thuận chết vợ chồng ông bà lo tang lễ sau đó sang cát xây mộ cho cụ chu đáo.

Do căn nhà tre trên thửa đất số 117 sụp đổ từ lâu, nhiều trận mưa đá làm chết hết cây cối trong vườn nên năm 2007 vợ chồng ông bà phải xây ngôi nhà mới trên thửa đất số 118 trước là cái ao đã được gia đình bà san lấp để làm nơi cúng giỗ, không phải ra nhà ông bà cúng nhờ nữa. Hiện nhà đất này do con trai ông bà là Kim Văn Luật sử dụng. Mọi việc vẫn diễn ra bình thường cho đến khi bà Kim Thị Vân tự ý sang tên lấy đi 13 thước ruộng là tài sản của cụ Thuận nên vợ chồng ông bà không cho bà Vân đến cúng giỗ nữa.

Nay bà Vân kiện đòi lại đất thì vợ chồng ông bà đề nghị Tòa án giao diện tích 425m² đất thuộc thửa số 118 cho vợ chồng bà sử dụng và ông bà có đơn phản tố yêu cầu bà Vân phải thanh toán trả ông bà chi phí nuôi dưỡng cụ Thuận là 840.000.000 đồng; tiền tang lễ, chôn cất và sang cát cho cụ Thuận là 100.000.000 đồng; tiền xây 03 ngôi mộ là 15.000.000 đồng; tiền cúng giỗ tết 24 năm là 48.000.000 đồng; tiền mang hài cốt liệt sỹ từ Gia Lai về là 100.000.000 đồng; tiền san lấp ao là 330.000.000 đồng; tiền xây tường bao là 10.000.000 đồng, tổng cộng là 1.443.000.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền giá trị của 425m² đất thuộc thửa số 118 là 722.500.000 đồng, bà Vân còn phải trả cho vợ chồng bà 720.500.000 đồng, số tiền này bà đề nghị bà Vân trả cho vợ chồng bà bằng đất tại thửa đất số 117.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm:

- Anh Kim Văn Luật thống nhất với ý kiến và yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đào.

- Các bà: Kim Thị Định, Kim Thị Thảo, Lương Thị Mùi, anh Trần Viết Khương, anh Trần Viết May và chị Viết Thị Phương thống nhất với ý kiến của nguyên đơn và không có yêu cầu độc lập.

Tại bản án sơ thẩm số 40/2019/DS- ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện phúc thọ đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị Vân.
 2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Kim Văn Mãi và bà Nguyễn Thị Đào.
 3. Ông Kim Văn Mãi và bà Nguyễn Thị Đào được quyền sử dụng diện tích 425m² đất ở trong thửa đất số 118 trị giá 722.500.000 đồng.
 4. Buộc ông Mãi và bà Đào phải trả bà Kim Thị Vân (đại diện các thừa kế của cụ Nghị và cụ Thuận) thửa đất số 117 diện tích 1020m² đất ở và tài sản trên đất (09 cây mít), tổng trị giá là 1.739.859.000 đồng.
- Ông Mãi, bà Đào phải trả cho bà Kim Thị Vân (đại diện các thừa kế của cụ Nghị và cụ Thuận) số tiền 12.950.000 đồng, trong đó có 9.450.000 đồng tiền tài sản và 3.500.000 đồng tiền thẩm định, định giá tài sản tranh chấp.
- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm nêu trên,

Ngày 07/12/2019 bà Nguyễn Thị Đào (bị đơn) nộp đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của vợ chồng bà và xác định lại giá đất thuộc thửa số 118 vì thửa đất này không phải là đất thổ cư.

Ngày 10/12/2019, bà Kim Thị Vân (nguyên đơn) nộp đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Xem xét lại công sức của bị đơn về việc nuôi dưỡng cụ Thuận vì sinh hoạt hàng ngày của cụ Thuận còn có hoa lợi trên đất để trang trải và công lao động ở nông thôn rất thấp; Xem xét lại chi phí lấp ao, lấp ruộng của bị đơn; Tính giá trị hoa lợi trên đất từ khi cụ Thuận qua đời đến khi xét xử sơ thẩm để trừ vào công sức của bị đơn, yêu cầu bị đơn trả lại toàn bộ đất đai của bố mẹ bà để lại. Sau khi đối trừ phần nghĩa vụ mà bà phải trả, còn bao nhiêu bà sẽ thanh toán bằng tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Vân giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Bản án sơ thẩm xử là phù hợp nhưng do bà Đào có kháng cáo nên bà phải kháng cáo theo. Nay bà vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bà Đào giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Toà án tăng tiền nuôi dưỡng cụ Thuận, tiền san lấp ao, tiền duy trì quản lý tài sản và tăng các khoản chi phí khác cho bà. Số tiền bên nguyên đơn phải thanh toán bà yêu cầu được trả bằng đất tại thửa số 117.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Bà Kim Thị Vân không phải con cụ Thuận và cũng không nuôi dưỡng cụ Thuận nên bà Vân không phải là người thừa kế của cụ Thuận và không có quyền đòi tài sản của cụ Thuận. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vân được đòi lại toàn bộ 2 thửa đất là không đúng quy định của pháp luật. Công sức của bị đơn trong việc nuôi dưỡng cụ Thuận và các chi phí khác cấp sơ thẩm tính quá thấp. Công sức quản lý, duy trì tài sản của bị đơn không được tính là trái luật. Đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm, áp dụng Án lệ số 02 để tính công sức quản lý, duy trì tài sản cho bị đơn tương ứng với giá trị quyền sử dụng đất và áp dụng giá đất vườn đồi với thửa đất số 118 để giải quyết vì thửa đất này trước đây là ao, sau đó vợ chồng bà Đào mới san lấp để xây nhà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung kháng cáo: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại toàn bộ 2 thửa đất; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Bị đơn được hưởng công sức duy trì, bảo quản di sản tương ứng với giá trị hiện vật là 425m² đất thuộc thửa số 118 và buộc nguyên đơn phải thanh toán trả bị đơn công sức nuôi dưỡng cụ Thuận và các chi phí khác tổng số tiền là 707.200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của Luật sư và của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy:

[1] Về tố tụng:

Ngày 26/11/2019 Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội xét xử sơ thẩm và tuyên án. Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 09/12/2019 bà Nguyễn Thị Đào (bị đơn) nộp đơn kháng cáo; ngày 10/12/2019 bà Kim Thị Vân (nguyên đơn)

nộp đơn kháng cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1 điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Bà Đào là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, bà Vân đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo của bà Đào và bà Vân hợp lệ về hình thức, vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Kim Thị Vân (nguyên đơn) yêu cầu bị đơn trả lại toàn bộ 2 thửa đất số 117 và 118 (đồng thời cũng là xét kháng cáo của bị đơn yêu cầu áp dụng giá đất vườn đối với thửa số 118), HĐXX thấy:

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện thửa đất số 117 và thửa đất số 118 tờ bản đồ số 21 đo vẽ năm 1992 có nguồn gốc như sau:

Theo UBND xã Hát Môn cung cấp: Tại Sổ Mục kê năm 1966 thể hiện 04 thửa đất thuộc tờ bản đồ số 3 do cụ Nghị đứng tên chủ sử dụng, gồm: thửa số 240 diện tích 790m² đất thổ cư, thửa số 246 diện tích 170m² đất ao, thửa số 247 diện tích 210m² đất màu, thửa số 248 diện tích 140m² đất ao. Tổng diện tích của 04 thửa này là 1310m². Tại tờ bản đồ số 15 có 02 thửa đất ao là thửa số 01 diện tích 150m² và thửa số 02 diện tích 280m².

Năm 1988 cụ Nghị chết nên tại tờ bản đồ số 21 và Sổ Mục kê năm 1992 thể hiện: Thửa số 117 diện tích 1287m² và thửa số 118 diện tích 425m² (đất ao) đều ghi tên cụ Thuận. Năm 2002, UBND huyện Phúc Thọ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Quang Thị Thuận, diện tích thửa số 117 là 1020m², diện tích thửa số 118 là 795m² đều là đất ở. Tham gia tố tụng, các bên đương sự đều thừa nhận hai thửa đất này là tài sản của cụ Nghị và Thuận để lại. Diện tích thửa đất số 117 giảm là do ông Mai đã cho ông Kim Văn Bảy 267m² từ khi cụ Thuận còn sống và ông Bảy đã được cấp Giấy chứng nhận gộp chung vào thửa đất của gia đình ông. Diện tích thửa đất số 118 tăng là do năm 2000 vợ chồng ông Mai nhận chuyển nhượng 360m² đất ở của bà Duy Thị Đức. Bà Vân không yêu cầu đòi diện tích đất ông Mai đã cho ông Bảy và diện tích đất ông Mai bà Đào đã mua của bà Đức.

Căn cứ vào các chứng cứ nêu trên, HĐXX xác định: Thửa đất số 117 diện tích 1020m² và thửa đất số 118 diện tích 425m² thuộc tờ bản đồ số 21 xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội là tài sản chung của cụ Kim Văn Nghị và cụ Quang Thị Thuận. Hiện hai thửa đất này do vợ chồng ông Kim Văn Mai và bà Nguyễn Thị Đào đang quản lý, sử dụng theo thỏa thuận của các bên tại “Bản bàn giao đời sống, tài sản” ngày 21/01/1994 và “Biên bản họp gia đình” ngày 15/7/1995.

Cụ Nghị và cụ Thuận chết đều không để lại di chúc nên trong khối tài sản chung, phần di sản của cụ Nghị và cụ Thuận mỗi người là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 117 = 510m² và $\frac{1}{2}$ thửa đất số 118 = 212,5m². Bà Vân là con đẻ của cụ Nghị nên được thừa kế di

sản của cụ Nghị theo quy định tại điều 651 Bộ Luật dân sự. Theo đó, bà Vân có quyền yêu cầu ông Mãi và bà Đào trả lại phần di sản của cụ Nghị theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Đối với phần di sản của cụ Quang Thị Thuận ($\frac{1}{2}$ thửa đất số 117 và $\frac{1}{2}$ thửa đất số 118): Cụ Thuận là vợ cụ Nghị nhưng không phải là mẹ đẻ của bà Kim Thị Vân nên bà Vân và các con của cụ Xuân không phải là người thừa kế của cụ Thuận. Bà Kim Thị Thảo là con đẻ của cụ Thuận nhưng không ký đơn khởi kiện và cũng không có yêu cầu độc lập nên HĐXX căn cứ đơn khởi kiện của bà Kim Thị Vân và đơn phản tố của ông Mãi, bà Đào để xem xét, giải quyết.

Tại tài liệu là “Bản bàn giao đời sống, tài sản” lập ngày 21/01/1994 có nội dung như sau: *Hôm nay ngày tảo mộ của gia đình tôi gồm có: Ông Kim Văn Hoa, ông Kim Văn Trung, ông Kim Văn Mãi, ông Kim Văn Bảy và chủ miếng đất của gia đình giao trách nhiệm này cho cháu trai trưởng. Người đứng giao lại toàn bộ đất và các giỗ tết thuộc về người nhận và đảm nhiệm là anh chị Kim V Mãi.*

Vậy, gia đình đã họp bàn nhất ý kiến của bà Quang Thị Thuận làm bản bàn giao này cho anh Mãi lãnh và chịu trách nhiệm toàn bộ đất đai, đời sống, giỗ tết cho anh chị Mãi phải đảm nhiệm. Bản bàn giao này của tôi là Quang Thị Thuận làm giấy này để làm bằng chứng.

Văn bản nêu trên có điểm chỉ của cụ Thuận và chữ ký của ông Mãi.

Bà Vân không công nhận văn bản này là của cụ Thuận. Cụ Hoa và cụ Trung là anh/em ruột của cụ Nghị đều đã chết. Tuy nhiên, ông Kim Văn Bảy (cháu cụ Nghị) là người trực tiếp tham gia buổi họp ngày 21/01/1994 đã cung cấp ý kiến tại Biên bản ngày 06/9/2019 nội dung như sau: *Sau khi đi tảo mộ về ngày 21/01/1994 gia đình có họp về việc cụ Thuận giao đất đai, tài sản và giỗ tết cho ông Mãi. “Bản bàn giao đời sống, tài sản” đã ghi lại chính xác ý kiến của cụ Thuận, khi họp cụ Thuận vẫn minh mẫn. Sau đó cụ Thuận nghe đọc biên bản rồi điểm chỉ vào. Bản thân tôi và ông Hoa, ông Trung, ông Mãi đều nhất trí theo nguyện vọng của cụ Thuận.*

Như vậy, “Bản bàn giao đời sống, tài sản” nêu trên do cụ Thuận tự nguyện lập trong tình trạng minh mẫn là đúng sự thật nên HĐXX đủ căn cứ xác định: ngày 21/01/1994 cụ Thuận đã chuyển giao quyền sử dụng 2 thửa đất số 117 và số 118 cho vợ chồng ông Mãi, bà Đào sử dụng. Đồng thời với việc được **quyền** sử dụng toàn bộ đất đai, tài sản của cụ Thuận thì vợ chồng ông Mãi phải **thực hiện nghĩa vụ** chăm lo đời sống của cụ Thuận và đảm nhiệm việc giỗ tết hàng năm. Như vậy, “Bản bàn giao đời sống, tài sản” ngày 21/01/1994 có điểm chỉ của cụ Thuận và chữ ký của ông Mãi được xác định như một hợp đồng dân sự có điều kiện thể hiện ý chí tự nguyện thoả thuận của các bên với sự chứng kiến của những người trong dòng họ. Theo đó, các bên đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, đó là: vợ chồng

ông Mài đã nhận đất để sử dụng, tuy không phải trả tiền cho cụ Thuận nhưng phải thực hiện trách nhiệm nuôi dưỡng cụ Thuận từ năm 1995 đến khi cụ qua đời (năm 2004) và lo giỗ tết hàng năm. Do vậy, bà Kim Thị Thảo là con đẻ (người thừa kế) của cụ Thuận cũng không có quyền đòi lại phần di sản của cụ Thuận bởi khi còn sống cụ Thuận đã định đoạt tài sản của mình, đó là chuyển quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Mài, bà Đào sử dụng để cụ Thuận được ông Mài bà Đào chăm sóc, nuôi dưỡng phần đời còn lại.

Tại “Biên bản họp gia đình” ngày 15/7/1995 thể hiện nội dung: *Kể từ 17 giờ ngày 15/7/1995, bà Quang Thị Thuận đến ở nhà anh Kim Văn Mài để vợ chồng anh Mài trông nom vì tuổi bà đã già yếu cần nơi nương tựa. Các con gái đi lấy chồng còn lo việc nhà chồng không trông nom được. Toàn bộ tài sản nhà cửa, đất đai do bà Thuận quản lý nay giao cho gia đình anh Mài quản lý.* Buổi họp này có mặt cụ Thuận, cụ Hoa, cụ Trung, ông Bảy, ông Mài, bà Đào, bà Thảo và bà Vân. Bà Kim Thị Vân đã ký biên bản và viết: *thay mặt cho chị em là con gái của bà Thuận chấp nhận biên bản họp hôm 15/7/1995 là đúng.*

Căn cứ vào tài liệu nêu trên và lời khai của các đương sự, HĐXX đủ cơ sở xác định bà Kim Thị Vân và các con bà Xuân không có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng cụ Thuận nên không có quyền thừa kế di sản của cụ Thuận được quy định tại điều 654 Bộ Luật dân sự, theo đó bà Vân không có quyền đòi lại phần di sản của cụ Thuận. Ông Mài và bà Đào có trách nhiệm trả bà Vân (đại diện các thừa kế của cụ Nghị) phần di sản của cụ Nghị, đó là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 117 và $\frac{1}{2}$ thửa đất số 118 theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 617 Bộ Luật dân sự. Bà Vân kháng cáo yêu cầu ông Mài và bà Đào phải trả bà toàn bộ 2 thửa đất là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Đối với Thửa đất số 117 diện tích hiện trạng đo thực tế là 1027,5m² nguyên trước đây trên đất có 5 gian nhà tre, 2 gian bếp, 2 ao, 1 ruộng rau và 1 số cây mít, bưởi nhưng hiện nay không còn nhà, bếp và ao, ruộng. Vị trí thửa đất này tách biệt với thửa số 118 bởi đường đi của thôn nên ông Mài và bà Đào có trách nhiệm trả nguyên đơn phần di sản của cụ Nghị là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 117 = 513,75m² (vị trí đất thể hiện tại Sơ đồ kèm theo). $\frac{1}{2}$ thửa đất số 117 còn lại là phần di sản của cụ Thuận thì ông Mài và bà Đào được tiếp tục quản lý, sử dụng theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 618 Bộ Luật dân sự.

Đối với thửa đất số 118 diện tích hiện trạng đo thực tế là 425,7m² (đất ao ghi tên cụ Thuận tại Sổ Mục kê năm 1992). Quá trình quản lý sử dụng, gia đình ông Mài bà Đào đã san lấp để xây nhà gạch, mái bê tông kiên cố. Năm 2000, ông Mài bà Đào nhận chuyển nhượng thêm 360m² đất ở của bà Duy Thị Đức gộp vào thửa số 118 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đã cấp mang tên hộ bà Quang

Thị Thuận nên cấp sơ thẩm giao cho ông Mài, bà Đào sử dụng thửa đất này và phải thanh toán bằng tiền cho nguyên đơn là phù hợp. Tuy nhiên, do bà Vân chỉ có quyền đòi phần di sản của cụ Nghị nên ông Mài và bà Đào chỉ phải thanh toán trả nguyên đơn giá trị quyền sử dụng của $\frac{1}{2}$ thửa đất, đó là $425,7\text{m}^2 : 2 = 212,85\text{m}^2$.

Do thửa đất số 118 đã được UBND huyện Phúc Thọ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng là đất ở nên cấp sơ thẩm áp dụng giá đất ở đối với thửa đất này để giải quyết là có căn cứ. Tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm, ông Mài bà Đào có đơn yêu cầu định giá lại. Tại Biên bản định giá tài sản ngày 17/6/2022, Hội đồng định giá xác định giá chuyển nhượng quyền sử dụng đối với loại đất ở là 6.720.000 đồng/m². Như vậy, trị giá $\frac{1}{2}$ thửa đất số 118 là: $212,85\text{m}^2 \times 6.720.000 \text{ đồng/m}^2 = 1.430.352.000 \text{ đồng}$.

Tuy nhiên, ông Mài bà Đào không phải thanh toán trả bà Vân toàn bộ số tiền 1.430.352.000 đồng, bởi lẽ: Để thửa đất ao số 118 trở thành đất ở, ông Mài bà Đào đã phải đầu tư tài chính, vật liệu và công sức trong khoảng thời gian dài để san lấp, tôn tạo và xây dựng 2 khối công trình nhà ở trên đất. Đặc biệt là năm 2000, vợ chồng ông Mài đã nhận chuyển nhượng 360m² đất ở (diện tích đo thực tế là 348,6m²) của bà Duy Thị Đức có vị trí liền kề với thửa đất ao số 118 để hợp vào một thửa. Chính vì có sự đầu tư làm tăng giá trị của đất thì thửa số 118 mới được nhà nước chứng nhận là đất ở, đây là công sức lớn của vợ chồng ông Mài. Vì vậy, HĐXX xác định công sức của ông Mài bà Đào trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất ao thành đất ở bằng 50% giá trị của 212,85m² đất, cụ thể là: $1.430.352.000 \text{ đồng} \times 50\% = 715.176.000 \text{ đồng}$. Như vậy, ông Mài và bà Đào có trách nhiệm trả nguyên đơn số tiền là 715.176.000đ.

Bà Đào kháng cáo yêu cầu xác định thửa đất số 118 theo giá đất vườn là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận.

2.2. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đào (bị đơn) yêu cầu nguyên đơn thanh toán chi phí nuôi dưỡng cụ Thuận và các chi phí khác với tổng số tiền là 1.443.000.000đ (đồng thời cũng là xét kháng cáo của bà Vân về nội dung này):

Đối với công sức, chi phí nuôi dưỡng cụ Thuận và chi phí giỗ tết hàng năm:

Căn cứ “Biên bản họp gia đình” ngày 15/7/1995 và lời khai của các đương sự, HĐXX xác định ông Mài và bà Đào chăm sóc, nuôi dưỡng cụ Thuận từ tháng 7/1995 đến khi cụ Thuận chết (năm 2004) và lo giỗ, tết hàng năm là thực hiện đúng nghĩa vụ do cụ Thuận và ông Mài đã thoả thuận ký kết tại văn bản “Bản bàn giao đời sống, tài sản” ngày 21/01/1994 (như đã phân tích ở trên). Vì vậy, ông Mài bà Đào yêu cầu bà Vân phải thanh toán tiền công sức, chi phí nuôi dưỡng cụ Thuận và chi phí giỗ,

tết là không phù hợp, bởi lẽ ông Mài và bà Đào đã được nhận quyền sử dụng phần đất của cụ Thuận chuyển giao.

Đối với các khoản chi phí về tang lễ, xây mộ, chuyển mộ liệt sỹ, san lấp ao ruộng không được quy định trong “Bản bàn giao đời sống, tài sản” ngày 21/01/1994 nên ông Mài và bà Đào có quyền yêu cầu nguyên đơn thanh toán. Các khoản chi phí này được HĐXX xem xét như sau:

- Chi phí tổ chức tang lễ và chôn cất cụ Thuận: chấp nhận 50.000.000đ
- Chi phí cải táng cụ Thuận: Chấp nhận 15.000.000đ
- Chi phí xây 3 ngôi mộ: Chấp nhận 15.000.000đ
- Chi phí tìm và chuyển hài cốt ông Nghi (liệt sỹ) từ Gia lai về: Chấp nhận 80.000.000đ.
- Chi phí san lấp 425,7m² ao tại thửa 118: HĐXX không chấp nhận vì đã được tính vào công sức đầu tư chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất ao sang đất ở (đã được phân tích ở phần trên).
- Chi phí san lấp ao và ruộng rau tại thửa số 117:

Tại tờ bản đồ số 3 và Sổ Mục kê năm 1966 thể hiện cụ Nghi có 4 thửa đất bao gồm 1 thửa đất ở, 1 thửa đất màu và 2 thửa đất ao. Tổng diện tích 4 thửa này là 1310m². Tại tờ bản đồ số 15 năm 1966 thể hiện có 2 thửa đất ao với tổng diện tích là 430 m².

Tại Tờ bản đồ số 21 và Sổ Mục kê năm 1992 thể hiện cụ Thuận là chủ sử dụng thửa số 117 diện tích 1287m² là đất thổ cư và thửa số 118 diện tích 425m² là đất ao. Diện tích của các thửa này cơ bản phù hợp với tổng diện tích của các thửa tại tờ bản đồ số 3 và tờ bản đồ số 15 năm 1966 nên HĐXX có căn cứ xác định: năm 1992 khi đo vẽ bản đồ số 21, cơ quan quản lý đất đai đã gộp 04 thửa đất tại tờ bản đồ số 3 năm 1966 thành thửa số 117 và gộp 2 thửa đất ao tại tờ bản đồ số 15 thành thửa số 118.

Như vậy, trong thửa đất số 117 có 01 ao diện tích 170m², 01 ao diện tích 140m² (tương ứng với thửa số 246 và 248 tờ bản đồ số 3), 01 thửa đất màu (rau) diện tích 210m² (tương ứng với thửa số 247 tờ bản đồ số 3). Hiện trạng thửa đất số 117 không còn nhà và ao, ruộng nên có căn cứ xác định gia đình ông Mài bà Đào đã san lấp 310m² ao tại thửa số 117 nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét là thiếu sót. Vì vậy, HĐXX xét bổ sung cho ông Mài, bà Đào như sau:

Theo Biên bản định giá và biên bản xác minh của cấp sơ thẩm thì 01m³ đất có giá 80.000đ. Công san lấp tính trên cơ sở: 01 giờ máy mức mini mức được 80m³ đất, giá thuê máy 300.000đ/1giờ. Tuy nhiên, do tại thời điểm xét xử phúc thẩm giá cả thị trường có biến động tăng cao nên HĐXX xác định giá đất là 120.000đ/m³, giá thuê máy mức là 450.000đ/giờ, cụ thể:

- Chi phí mua đất: $310\text{m}^2 \text{ ao} \times \text{sâu } 2\text{m} = 620\text{m}^3 \times 120.000\text{đ} = 74.400.000 \text{ đồng}$; công mức (đổ đất): $450.000\text{đ} \times 8 \text{ giờ} = 3.600.000\text{đ}$; cộng thêm công san phẳng = công mức = 3.600.000 đồng. Tổng cộng tiền san lấp 2 ao diện tích 310m^2 tại thửa 117 là 81.600.000 đồng.

- Công san lấp ruộng rau diện tích 210m^2 : do san đất từ nền nhà cũ xuống ruộng trũng 50cm, không phải mua đất đổ vào nên chỉ tính công sức: $450.000\text{đ} \times 3 \text{ giờ} = 1.350.000 \text{ đồng}$, cộng thêm 1.350.000 đồng công san phẳng = 2.700.000đ.

- Công sức quản lý, duy trì phần di sản của cụ Nghị: Từ năm 1995 đến khi bà Vân có đơn khởi kiện (năm 2019), ông Mài bà Đào đã trông nom, bảo quản, duy trì 2 thửa đất số 117 và 118 là 24 năm. Trên đất có 1 số cây ăn quả là mít, bưởi, chuối. Bà Đào khai không thu hoạch được hoa lợi, bà Vân không cung cấp được chứng cứ chứng minh mỗi năm ông Mài bà Đào thu hoạch hoa lợi trên đất cụ thể là bao nhiêu. Hơn nữa, theo thoả thuận tại “bản bàn giao đời sống, tài sản lập ngày 21/01/1994, cụ Thuận đã giao toàn bộ đất đai, tài sản cho ông Mài và bà Đào sử dụng nên ông Mài bà Đào có quyền hưởng hoa lợi trên đất theo quy định tại các điều 257, 264 Bộ Luật dân sự. Bà Vân khai rằng ông Mài bà Đào nuôi dưỡng cụ Thuận bằng nguồn hoa lợi và đã được hưởng lợi từ đất đai của các cụ nên không đồng ý thanh toán công sức quản lý, duy trì tài sản cho bị đơn là không có căn cứ. Cấp sơ thẩm không xem xét công sức bảo quản, duy trì tài sản cho bị đơn là không phù hợp pháp luật quy định tại điểm c khoản 2 điều 168 Bộ Luật dân sự. Do vậy, trên cơ sở quy định của nhà nước về mức lương cơ sở từ năm 1995 đến năm 2019 chia trung bình, HĐXX xác định công sức của ông Mài bà Đào trong việc bảo quản, duy trì phần tài sản của cụ Nghị là 300.000đ/tháng. Từ năm 1995 đến năm 2019 là 288 tháng $\times 300.000\text{đ} = 86.400.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng các khoản chi phí tang lễ, xây mộ, chuyển mộ liệt sỹ, san lấp ao ruộng tại thửa số 117 và công sức bảo quản, duy trì tài sản của ông Mài và bà Đào được chấp nhận là 330.700.000đ, bà Kim Thị Vân (đại diện các thừa kế của cụ Nghị) có trách nhiệm thanh toán trả ông Mài bà Đào số tiền này. Đối trừ với số tiền 715.176.000 đồng ông Mài và bà Đào phải thanh toán trả nguyên đơn (tiền trị giá $\frac{1}{2}$ thửa đất số 118 như đã phân tích ở phần trên) thì ông Mài bà Đào còn phải thanh toán trả bà Vân (đại diện các thừa kế của cụ Nghị) số tiền 384.476.000 đồng.

Để đảm bảo cho việc thi hành án được nhanh chóng, thuận lợi, các đương sự không phải thanh toán tiền cho nhau, HĐXX quy đổi số tiền 384.476.000 đồng bằng $57,21\text{m}^2$ đất và trừ vào phần diện tích đất mà ông Mài, bà Đào được sử dụng tại thửa số 117 để trả cho bà Vân ($384.476.000\text{đ} : 6.720.000\text{đ}/\text{m}^2 = 57,21\text{m}^2$). Như vậy, ông Mài và bà Đào phải trả bà Vân (đại diện cho các thừa kế của cụ Kim Văn Nghị) tổng

diện tích đất thuộc thửa số 117 là: $513,75m^2 + 57,21m^2 = 570,96m^2$ (làm tròn là $571m^2$). Vị trí, kích thước thể hiện tại sơ đồ kèm theo.

Phần diện tích $456,5m^2$ đất còn lại tại thửa số 117 ông Mài và bà Đào tiếp tục sử dụng. Vị trí, kích thước được thể hiện tại sơ đồ kèm theo.

Từ những phân tích và đánh giá chứng cứ nêu trên, HĐXX thấy cấp sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy cần sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

[3] Về án phí:

- Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Kim Thị Vân được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên bà Vân phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối phần yêu cầu không được chấp nhận (yêu cầu đòi phần di sản của cụ Thuận) là 300.000 đồng án phí không có giá ngạch và phải chịu 16.535.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (án phí đối với yêu cầu phản tố của bị đơn đòi nguyên đơn thanh toán các khoản chi phí được Toà án chấp nhận).

- Ông Kim Văn Mài và bà Nguyễn Thị Đào phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần phản yêu cầu phản tố không được chấp nhận và phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận. Tuy nhiên, do ông Mài và bà Đào là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật nên HĐXX miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Mài, bà Đào.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản tranh chấp:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận một phần nên cả hai bên đương sự đều phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản theo quy định tại điều 157 và 165 Bộ Luật tố tụng dân sự. Tại cấp sơ thẩm bà Kim Thị Vân nộp 7.000.000 đồng, tại cấp phúc thẩm bà Nguyễn Thị Đào nộp 7.000.000 đồng. HĐXX xác nhận số tiền này đã chi phí xong và các bên đương sự không phải thanh toán tiền cho nhau.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội. Cụ thể:

Căn cứ: Các điều 38, 147, 157, 165, 293, 309, 313 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Các điều 257, 264, 618, điểm đ khoản 1 điều 617 Bộ Luật dân sự 2015; Điều 166 Luật Đất đai 2013, Điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 4 điều 26, khoản 2 điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị Vân về việc tranh chấp đòi quyền sử dụng đất đối ông Kim Văn Mai và bà Nguyễn Thị Đào.

Buộc ông Kim Văn Mai và Nguyễn Thị Đào phải trả bà Kim Thị Vân (đại diện cho các thừa kế của cụ Kim Văn Nghi) diện tích 571m² đất và các tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 117 tờ bản đồ số 21 địa chỉ tại cụm 10, xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội (phần đất được giới hạn bởi các điểm: 1',2,3,4,5,5',1' theo Sơ đồ thửa đất kèm theo bản án).

Ông Kim Văn Mai và Nguyễn Thị Đào tiếp tục sử dụng diện tích 456,5m² đất và các tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 117 nêu trên (phần đất được giới hạn bởi các điểm: 1,1',5',15,16,17,18,19,1 theo Sơ đồ thửa đất kèm theo bản án).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Kim Văn Mai và bà Nguyễn Thị Đào đối với bà Kim Thị Vân.

Ông Kim Văn Mai và bà Nguyễn Thị Đào được quyền sử dụng diện tích 425,7m² đất (diện tích đất tranh chấp) và các tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 118 tờ bản đồ số 21 tại địa chỉ cụm 10, xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội giới hạn bởi các điểm: 6,7,11,12,13,14,14',6 theo Sơ đồ thửa đất kèm theo bản án.

3. Về án phí:

- Bà Kim Thị Vân phải chịu 16.535.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0005585 ngày 06/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, bà Kim Thị Vân được hoàn trả lại 3.465.000 đồng.

- Bà Kim Thị Vân không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả bà Vân 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0005914 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội.

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Kim Văn Mai và bà Nguyễn Thị Đào.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 09/9/2022.

Nơi nhận:

- VKSND TPHà Nội;
- TAND huyện Phúc Thọ;
- Chi cục THADS H.Phúc Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hằng

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

